



Những ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam (*)

TS. HỒ NGỌC PHƯƠNG

Chính phủ Việt Nam đã thông qua chiến lược hội nhập với nền kinh tế thế giới trong suốt thập niên vừa qua. Thực hiện chính sách đổi mới từ năm 1986, Việt Nam mở cửa ra với thế giới bên ngoài, đồng thời thực hiện các cải tổ cần thiết ở trong nước một cách có hệ thống. Trước hết, đó là việc tự do hóa thương mại nội địa, cải cách các xí nghiệp quốc doanh, đa dạng hóa sở hữu và thúc đẩy phát triển khu vực tư nhân, cải cách hệ thống tài chính hướng đến các hoạt động thị trường, và thu hút đầu tư nước ngoài và xem đó là một nguồn tài nguyên quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước trong giai đoạn đầu tiên của việc hội nhập quốc tế.

Nền kinh tế Việt Nam đã và đang chuyển đổi từ cơ chế tập trung sang các hoạt động dựa trên các nguyên tắc của thị trường và Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về kinh tế trong thập niên vừa qua. Trong giai đoạn 1991-2000, GDP tăng hơn 2 lần, tiết kiệm nội địa đạt 27% GDP từ chỗ hầu như không có gì. Khu vực nông nghiệp giảm từ 38,7% xuống 24,3% trong GDP, trong khi đó công nghiệp bao gồm cả xây dựng tăng từ 22,7% lên 36,6% và khu vực dịch vụ tăng từ 38,6% lên 39,1% trong GDP. Các hộ nghèo theo tiêu chuẩn Việt Nam giảm từ 30% xuống còn 10%. Hàng năm tạo

ra được 1,2 triệu việc làm mới. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 65,2 lên 68,3 tuổi.

Quá trình hội nhập

Từ đầu thập niên 1990, Việt Nam đã thực hiện những bước đầu tiên trong quá trình hội nhập quốc tế của mình. Năm 1993, Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Ngày 28.7.1995, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và ngày 15.12.1995 Việt Nam chính thức tham gia Khu vực mậu dịch tự do châu Á (AFTA) bằng việc ký kết thỏa ước về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Tháng 3.1996 tham gia lần đầu tiên vào Hội nghị những người đứng đầu nhà nước và chính phủ các nước A-Âu (ASEM) và Việt Nam trở thành một trong những nhà sáng lập diễn đàn này. Tháng 1.1995, Việt Nam đã gửi đơn xin gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Ngày 18.11.1998 Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Ngày 13.7.2000 Việt Nam ký Hiệp định thương mại song phương với Mỹ và năm 2001 Quốc hội hai nước đã phê chuẩn hiệp định đó, có hiệu lực thi

hành từ tháng 12.2001.

Để thực hiện các nhiệm vụ hợp tác kinh tế quốc tế, chính phủ Việt Nam đã thành lập Ủy ban hợp tác quốc tế do Phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm đứng đầu. Mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã tăng được một cách mạnh mẽ khối lượng thương mại với bên ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam một cách có kết quả. Vào năm 1990, giá trị thương mại quốc tế của Việt Nam mới đạt 5 tỷ đô-la, thì năm 2001 lên tới 30 tỷ đô-la. Từ khi ban hành Luật đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã thu hút trên 3.000 dự án đầu tư với giá trị 42 tỷ đô-la trong đó thực hiện được 21 tỷ đô-la cho đến hiện nay.

Việt Nam đã cam kết tự do hóa thương mại và các quy định về đầu tư, giảm thuế và xóa bỏ hạn ngạch. Đồng thời Việt Nam đang tham gia vào việc đàm phán song phương và đa phương để gia nhập WTO, vì vậy cũng đang hoàn thiện các quy định cho rõ ràng và công khai hơn, dựa vào hệ thống thương mại và đầu tư phù hợp với các yêu cầu của WTO. Theo AFTA, Việt Nam cam kết sẽ bỏ hạn ngạch và hiện nay giảm thuế nhập khẩu của khoảng 5.500 mặt hàng xuống còn 20-30%, sẽ giảm tiếp tục thuế nhập khẩu vào năm 2003 xuống còn 20% của 800 mặt hàng khác nữa, đến năm 2006 xuống còn 0-5% mà thôi. Vào năm 2004, thuế

quan bình quân của các sản phẩm chế tạo từ các nước ASEAN sẽ giảm xuống khoảng 50%. Thuế nhập khẩu vào các nước ASEAN về dệt, da, sản phẩm gỗ, các sản phẩm về kính, gốm sứ và thực phẩm sẽ rơi xuống 60%.

Chính phủ đã ban hành Quyết định 46/2001 về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2001-2005. Đây là một chiến lược dài hạn, rõ ràng cho tất cả các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam thay vì như trước đây hướng dẫn từng năm một. Theo Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, từ đầu năm 2003, xi măng, xe máy, ô tô dưới 9 chỗ ngồi, có thể nhập khẩu tự do. Từ đầu năm 2004, cho phép các nhà đầu tư tham gia vào các dịch vụ viễn thông. Từ năm 2005, cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh nội tệ. Đồng thời với việc sửa đổi Luật thương mại, cho phép tất cả các công ty và cá nhân được phép xuất khẩu hầu hết các hàng hóa kể cả gạo.

Ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế

Thật vậy, toàn cầu hóa gây ra các ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực cho hoạt động doanh nghiệp ở Việt Nam. Gia nhập WTO, Việt Nam sẽ được hưởng những lợi ích như được đối xử trong mối quan hệ bình thường (tối huệ quốc) vô điều kiện. Thuế xuất khẩu vào hầu hết các nước thành viên WTO sẽ giảm xuống, khuyến khích các nhà xuất khẩu trong nước, những tranh chấp thương mại sẽ được giải quyết trong khuôn khổ WTO trên cơ sở bình đẳng. Cuối cùng là vị trí thương mại của Việt Nam sẽ được nâng cao đáng kể trên thương trường thế giới vì WTO chiếm đến 90% khối lượng thương mại thế giới. Tuy nhiên những thách thức mà Việt Nam phải đối đầu bao gồm phải mở cửa thị trường nội địa trong nhiều lĩnh vực như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, tư vấn mà lâu nay do các nhà đầu tư trong nước chiếm lĩnh. Giảm thuế nhập khẩu sẽ làm giảm thiếu nguồn thu của ngân sách nhà nước và sản xuất trong nước phải đương đầu với việc không còn được Nhà nước bảo hộ như trước đây. Sẽ có nhiều doanh nghiệp bị phá sản, tình trạng thất nghiệp có thể sẽ gia tăng, phân hóa giàu nghèo trong xã hội càng trở nên sâu rộng tạo nên các áp lực xã hội mạnh mẽ hơn. Phải thực hiện việc bảo hộ sở hữu trí tuệ, Việt Nam sẽ phải chịu các chi phí cao hơn trong việc

truyền thụ những kiến thức mong muốn đến các tầng lớp nhân dân. Thay đổi chính sách đầu tư nước ngoài, cam kết tiếp tục thay đổi thể chế theo các yêu cầu của WTO, và cuối cùng các doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài ngay trên thị trường nội địa. Điều này, một mặt tạo sức ép đối với các doanh nghiệp trong nước phải nhanh chóng cải tiến quản lý, đầu tư công nghệ và trang thiết bị để nâng cao khả năng cạnh tranh của mình, đồng thời, một số doanh nghiệp khác sẽ bị loại khỏi ra ngoài cuộc chơi một cách nhanh chóng hơn.

Hội nhập quốc tế là cơ hội đồng thời cũng là thách thức. Các doanh nghiệp Việt Nam cần phải được thông tin và hiểu rõ hơn về các quy định quốc tế mà Việt Nam cam kết thực hiện, đó là AFTA, USBTA, và WTO. Ở đây vai trò của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp cần phải được phát huy mạnh mẽ hơn nữa. Cần thúc đẩy thị trường cung cấp các dịch vụ phát triển doanh nghiệp chẳng hạn như dịch vụ pháp lý, kế toán và kiểm toán, thuế, huấn luyện, tư vấn kinh doanh, quảng cáo và khuyến mãi, nghiên cứu thị trường, thiết kế sản phẩm, triển lãm, quản lý chất lượng, Internet, công nghệ thông tin... Theo một nhận định mới đây, có 42% doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến quá trình hội nhập quốc tế, nhưng hiểu biết rất ít về các lợi ích và nghĩa vụ trong các cam kết quốc tế của Chính phủ. Một điều tra gần đây của Ban kinh tế

trung ương Đảng cho thấy, 16% doanh nghiệp không có thông tin về quá trình hội nhập quốc tế, 50% không biết về Hiệp định thương mại Việt-Mỹ. Tâm lý ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước vẫn còn phổ biến ở các xí nghiệp quốc doanh, việc hội nhập hình như là của Chính phủ mà thôi.

Toàn cầu hóa là một xu hướng và dù muốn hay không chúng ta cũng phải thực hiện việc hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, vì các thế hệ tương lai của dân tộc Việt Nam. Song một điều chớ bao giờ quên là phải giữ lấy bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ về kinh tế, chính trị trong những cơn lốc của mối quan hệ đa phương phức tạp và đầy hiểm nguy.

(*) Bài trình bày tại Hội thảo quốc tế do IMF tài trợ tại Khách sạn Caravell TP. Hồ Chí Minh 27.5.2002 về *Những vấn đề kinh tế Việt Nam: Thử thách của hội nhập*.

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Lan, *Doanh nghiệp phải chấp nhận cạnh tranh hoặc rời bỏ thị trường*, báo Sài Gòn giải phóng, 8.5.2002.
2. Quý Hào, *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn yếu, Nhà nước cần tìm cách tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, 20.5.2002.
3. Văn Minh Hoa, *Trước thách thức hội nhập AFTA vào đầu năm 2003: Nhiều doanh nghiệp còn thờ ơ*, báo Sài Gòn giải phóng, 11.5.2002.
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng cộng sản Việt Nam, NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2001.
5. Vũ Khoan, *Việt Nam trong hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, Tiềm năng Việt Nam thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Thế Giới-Thông tin quảng cáo Hãng AE, Hà Nội, 2002.

